

Nhu cầu về đào tạo sở hữu trí tuệ trong các trường đại học ở Việt Nam

Nguyễn Thị Quế Anh*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 12 tháng 01 năm 2008

Tóm tắt. Bài viết đề cập tới mục tiêu xây dựng nền văn hoá sở hữu trí tuệ (SHTT) tại Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó nhấn mạnh tới tầm quan trọng của các trường đại học trong việc tạo dựng những yếu tố cần thiết để góp phần tạo ra môi trường thuận lợi cho việc hình thành và phát triển nền văn hoá SHTT. Trên cơ sở tìm hiểu nhu cầu về đào tạo SHTT dưới các góc độ khác nhau, tác giả đưa ra một số đề xuất về nội dung và thời lượng giảng dạy về SHTT trong các trường đại học ở Việt Nam. Với cách nhìn nhận SHTT như là một lĩnh vực hết sức đa dạng và mang tính liên ngành, những đề xuất trong bài viết được xây dựng theo các tiêu chí khác nhau về cấp độ đào tạo cũng như định hướng chuyên môn của người học.

1. Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và mục tiêu xây dựng nền văn hoá sở hữu trí tuệ tại Việt Nam

SHTT đã trở thành một trong các nội dung cơ bản của các chương trình hợp tác kinh tế đa phương và song phương, trong đó có các thiết chế kinh tế mà Việt Nam đang tham gia. Mục tiêu của việc bảo hộ quyền SHTT đã được Tổ chức Thương mại thế giới cam kết theo đuổi, đó là *"Với mong muốn giảm sai lệch thương mại và các rào cản đối với thương mại quốc tế, ... thúc đẩy việc bảo hộ một cách có hiệu quả và toàn diện các quyền sở hữu trí tuệ, và bảo đảm rằng bản thân các biện pháp và thủ tục thực thi quyền SHTT sẽ không trở thành rào cản*

đối với thương mại hợp pháp" (Lời nói đầu Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền SHTT - TRIPS). Bên cạnh đó, mục tiêu của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cũng được nhấn mạnh tại Điều 7 Hiệp định TRIPS: *"Việc bảo hộ và thực thi các quyền SHTT phải góp phần thúc đẩy việc cải tiến, chuyển giao và phổ biến công nghệ, góp phần đem lại lợi ích chung cho người tạo ra và người sử dụng kiến thức công nghệ, đem lại lợi ích xã hội và lợi ích kinh tế, tạo sự cân bằng giữa quyền và nghĩa vụ"*.

Các chuyên gia của tổ chức SHTT thế giới (WIPO) đã đưa ra nhận định rằng SHTT là một "công cụ có khả năng" phát triển kinh tế và tạo ra của cải chưa được sử dụng với hiệu quả tối ưu tại tất cả các nước, đặc biệt là trong thế giới đang phát triển [1]. Một trong những giải pháp mà họ khuyến cáo nhằm khai thác nguồn tài sản vô hình - loại tài sản

* ĐT: 84-4-7547049

E-mail: quethu@yahoo.com

đang mau chóng thay thế các tài sản truyền thống như đất đai, nhân lực và vốn - một cách có hiệu quả nhất đó là: hướng tới xây dựng một *nền văn hoá SHTT*. Việc thiếu vắng một nền văn hoá như vậy dẫn đến một nền kinh tế trì trệ hoặc tụt hậu, giảm bớt khả năng sáng tạo, một môi trường kinh doanh bị tước đi lợi ích từ đầu tư nước ngoài, thiếu nhất quán và thiếu độ tin cậy [1]. Cùng với ý chí chính trị và những khuôn khổ pháp lý, văn hoá SHTT là một trong những thành phần cơ bản của một xã hội có động lực SHTT. Trong một nền văn hoá SHTT, nhà nước và cơ cấu xã hội cùng nhau tìm cách gia tăng giá trị và nâng cao mức sống xã hội bằng cách cổ súy việc khai thác tài sản SHTT ngày một nhiều hơn với vai trò là một công cụ để tăng trưởng kinh tế, tạo ổn định trong xã hội. Trong một điều kiện như vậy, vai trò của những tổ chức nghiên cứu khoa học, công nghệ và văn hoá như các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu được đánh giá cao và nhận được ủng hộ và tài trợ ngày càng mạnh mẽ.

Việc tạo dựng nền văn hoá SHTT tại các nước đang phát triển nơi mà tài sản SHTT còn chưa phát triển đòi hỏi các chính sách ủng hộ tích cực. Một trong những chính sách đó là chuẩn bị một chiến lược mang tính quốc gia về SHTT kết hợp với các hoạt động khoa học, văn hoá, thương mại, kinh tế và giáo dục.

Tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, việc tăng cường bảo hộ quyền SHTT nhằm đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế thực sự đã trở thành đòi hỏi vô cùng cấp thiết. Bảo hộ quyền SHTT ở Việt Nam tuy là một việc hết sức mới mẻ, nhưng chúng ta đã và đang nỗ lực tập trung mọi cố gắng để củng cố, hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành. Về mặt pháp lý, Nhà nước và các cơ quan chức năng

có thẩm quyền đã ban hành một loạt các văn bản qui định và hướng dẫn thực hiện khá đầy đủ cho việc bảo hộ các đối tượng quyền SHTT. Hiện nay chúng ta đang trong giai đoạn hoàn thiện và pháp điển hoá toàn bộ hệ thống các qui định liên quan đến SHTT thông qua việc xây dựng và ban hành Luật SHTT. Trong khi Việt Nam đã và đang đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong việc xây dựng pháp luật về SHTT thì việc thực thi các qui định đó trên thực tế mới chỉ được triển khai bước đầu và chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Các hành vi xâm phạm quyền SHTT diễn ra một cách khá phổ biến, nghiêm trọng và phức tạp gây ảnh hưởng không tốt đến việc khuyến khích các nỗ lực sáng tạo, cạnh tranh lành mạnh, thu hút đầu tư, gây tâm lý lo ngại, ngò vức trong xã hội. Để đưa hệ thống bảo hộ quyền SHTT của Việt Nam thực sự trở thành một hệ thống có hiệu quả đòi hỏi phải có những biện pháp mang tính đồng bộ và tổng hợp trên nhiều phương diện: từ hoàn thiện hệ thống các qui phạm pháp luật liên quan đến việc thực thi quyền SHTT đến sắp xếp lại và tăng cường nhân lực của các cơ quan bảo đảm thực thi; từ mở rộng và nâng cao chất lượng của các hoạt động hỗ trợ cho đến nâng cao hiểu biết của xã hội về hoạt động bảo hộ SHTT. Để giải quyết một cách đồng bộ những vấn đề nêu trên đòi hỏi phải có những chủ trương, chính sách tầm vĩ mô từ phía Nhà nước. Với nhận thức về tầm quan trọng của việc tạo dựng những yếu tố cần thiết để tạo ra môi trường thuận lợi cho việc hình thành và phát triển của nền văn hoá SHTT, trong đó có việc phát triển nguồn nhân lực, giáo dục, tiếp thị ..., việc tìm hiểu về nhu cầu SHTT nói chung cũng như nghiên cứu về nhu cầu SHTT với tư cách là một công cụ để phát triển nền kinh tế dưới các góc độ tiếp cận khác nhau tại các trường đại học và cao đẳng của Việt Nam

trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Tìm hiểu về nhu cầu SHTT tại các cơ sở đào tạo sẽ giúp cho các nhà hoạch định chính sách trong lĩnh vực giáo dục định hướng những chiến lược phát triển lâu dài về xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo nhằm góp phần nâng cấp và phát triển các trường đại học Việt Nam đạt tiêu chuẩn hội nhập quốc tế.

2. Nhu cầu về đào tạo sở hữu trí tuệ ở các trường đại học ở Việt Nam

Tầm quan trọng của SHTT trong thế giới ngày nay đã vượt qua khỏi việc bảo hộ một cách đơn thuần các sáng tạo trí tuệ. Đứng đằng sau những định nghĩa khô khan về các hình thức SHTT từ kinh điển đến hiện đại - quyền tác giả, bằng độc quyền sáng chế, nhãn hiệu, giống cây trồng, tri thức truyền thống, thiết kế, bố trí mạch tích hợp, tên miền, ... - SHTT là một lĩnh vực vô cùng năng động đã và đang ảnh hưởng mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống văn hoá và kinh tế xã hội. Với tư cách là những yếu tố cấu thành của xã hội hiện đại, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu nói chung cũng như các trường đại học, cao đẳng nói riêng cũng không nằm ngoài sự tác động trực tiếp của hệ thống SHTT. Nhu cầu về SHTT tại các trường đại học, cao đẳng có thể được xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau: nhu cầu về SHTT dưới góc độ nâng cao nhận thức về hoạt động bảo hộ SHTT thông qua hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) tại các trường đại học; nhu cầu về SHTT dưới góc độ khai thác các tiềm năng SHTT tại các trường đại học, cao đẳng - nâng cao hiệu quả chuyển giao công nghệ từ các trường đại học; nhu cầu về SHTT dưới góc độ tăng cường công cụ quản lý nhà nước và hoạch định chính sách về SHTT thông qua hoạt động đào tạo và nghiên cứu (NC) tại các trường đại học và cao đẳng; nhu cầu về

SHTT dưới góc độ tăng cường đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao tại các trường đại học và cao đẳng, ...

Nhu cầu về SHTT dưới góc độ nâng cao nhận thức về hoạt động bảo hộ SHTT thông qua hoạt động đào tạo và NCKH tại các trường đại học, cao đẳng. Với nhận thức về tầm quan trọng của việc tạo dựng những yếu tố cần thiết để tạo ra môi trường thuận lợi cho việc hình thành và phát triển của nền văn hoá SHTT, trong đó có việc phát triển nguồn nhân lực, giáo dục, tiếp thị, ..., vấn đề nâng cao nhận thức của xã hội về SHTT thông qua những hoạt động đào tạo, tuyên truyền phổ biến được đề cập đến như một trong những yếu tố có tính chất quyết định. Tầm quan trọng của SHTT trong thế giới hiện đại đã vượt qua việc bảo hộ sáng tạo trí tuệ. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến mọi mặt của đời sống văn hoá và kinh tế. Ngày nay, vấn đề nhận thức sâu sắc về vai trò của SHTT đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia một địa phương nhất định có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Những chính sách về SHTT ngày càng được kết gắn chặt chẽ với chiến lược phát triển tổng thể kinh tế - xã hội của các quốc gia hay ở từng địa phương cụ thể. Thông qua việc nâng cao nhận thức về giá trị, ý nghĩa, tầm quan trọng của SHTT và phát triển cơ sở hạ tầng với tư cách là tổng thể những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một quốc gia hay một địa phương cụ thể, chính quyền tạo điều kiện để các thành viên trong xã hội được khai thác một cách tối đa lợi ích từ việc bảo hộ, tiến tới xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh và hình thành một nền văn hoá thực sự biết tôn trọng những thành quả của hoạt động sáng tạo và đầu tư kinh doanh, khuyến khích hoạt động sáng tạo và tạo đà cho nền kinh tế phát triển.

Giáo dục về SHTT ngày càng có liên quan nhiều hơn đến các trường trình giảng dạy trong các trường đại học. Hầu hết các quốc

gia trên thế giới đều đã và đang triển khai công tác đào tạo nâng cao hiểu biết của xã hội về SHTT theo 3 nội dung chính: đào tạo đội ngũ cán bộ của các cơ quan SHTT và các cơ quan có liên quan; đào tạo SHTT ở các trường đại học và tổ chức các chương trình nâng cao nhận thức về SHTT cho cộng đồng [2].

Thực tiễn Việt Nam hiện nay cho thấy những hiểu biết của cộng đồng về lĩnh vực SHTT còn quá ít ỏi và khiêm nhường trước nhu cầu đòi hỏi của thực tiễn, đặc biệt là từ sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 150 của WTO. Hiểu biết của công chúng bị hạn chế không chỉ về nhu cầu bảo hộ mà còn trong việc tích cực ủng hộ các phương thức để bảo vệ quyền SHTT khi có các hành vi xâm phạm. Công chúng chưa có nhận thức đầy đủ về những lợi ích mà SHTT mang lại cho những nhà sáng tạo và đầu tư vào quá trình sáng tạo. Hơn nữa, hầu như không mấy ai nhận thức được một thực tế rằng sự bảo hộ sẽ có hiệu lực trong một khoảng thời gian có giới hạn với những điều kiện hết sức nghiêm ngặt và sau đó thì thành quả sáng tạo của họ trở thành tài sản chung của toàn xã hội và bất kỳ ai cũng có thể tiếp cận và sử dụng được.

Bên cạnh đó, thực tiễn cũng cho thấy những quan tâm của xã hội từ các khía cạnh khác nhau đối với lĩnh vực SHTT ngày càng gia tăng trên nhiều lĩnh vực khác nhau: từ vấn đề phát triển hàm lượng tài sản trí tuệ trong tài sản doanh nghiệp, xác lập quyền đối với những kết quả đầu tư sáng tạo của các nhà sản xuất kinh doanh, những nhà sáng chế; cho đến vấn đề định giá tài sản trí tuệ trong cán cân tài sản doanh nghiệp khi tham gia vào các hoạt động giao lưu dân sự, thương mại; từ vấn đề nâng cao sức sáng tạo cùng với sự phát triển của toàn xã hội cho đến nghiên cứu triển khai các hoạt động sáng tạo vào thực tiễn, từ hoạt động bảo hộ các tri thức truyền thống góp phần giữ gìn văn hoá và bản sắc dân tộc cho đến hoạt động chuyển

giao công nghệ và rất nhiều vấn đề khác nảy sinh trong xã hội hiện đại ngày nay. Tất cả những vấn đề đó chỉ có thể giải quyết nếu như chúng ta có một nền tảng vững chắc: đó là những kiến thức chung của một xã hội về SHTT, một nền văn hoá về SHTT. Mục tiêu này có thể từng bước đạt được nếu như có một hệ thống giảng dạy và đào tạo cơ bản về SHTT.

Do vậy, vấn đề giáo dục và tuyên truyền về SHTT ngày càng trở nên có ý nghĩa quan trọng và là điều kiện tiên quyết để đẩy mạnh hoạt động của hệ thống này. Thông qua hoạt động của các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực đào tạo và NCKH, hoạt động của các trường đại học, các viện nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa trong việc truyền bá, nghiên cứu, khai thác thông tin về SHTT mà còn phát huy vai trò của mình trong lĩnh vực tư vấn, truyền bá và đào tạo, góp phần nâng cao nhận thức chung của xã hội về SHTT và hình thành đội ngũ chuyên gia về các lĩnh vực khác nhau trong hoạt động bảo hộ quyền SHTT.

Thực tế giảng dạy và NC tại các trường đại học, các viện NC cũng cho thấy rõ xu hướng ngày càng quan tâm tới lĩnh vực SHTT: hàng năm số lượng luận văn cử nhân, luận văn thạc sĩ, thậm chí luận án tiến sĩ thuộc các chuyên ngành khác nhau về SHTT ngày càng gia tăng. Các đề tài NCKH các cấp về SHTT cũng đã xuất hiện ngày càng nhiều với nội dung ngày càng đa dạng và bám sát những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn.

Nhu cầu về SHTT dưới góc độ khai thác các tiềm năng SHTT tại các trường đại học, cao đẳng và nâng cao hiệu quả chuyển giao công nghệ từ các trường đại học.

Việc bảo hộ quyền SHTT ngày càng trở thành một yếu tố then chốt trong quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược quốc gia nhằm đạt được sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững thông qua việc nâng cao tính cạnh tranh quốc tế của các ngành công nghiệp và doanh nghiệp trong nước, bất luận là trong

chuyển giao công nghệ, thương mại quốc tế, tìm kiếm và duy trì thị trường xuất khẩu mới, thúc đẩy hoạt động sáng chế, đổi mới, hỗ trợ việc mở rộng tăng trưởng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, cũng như trong cải thiện mối liên hệ của các hoạt động này với hoạt động nghiên cứu, giảng dạy tại các trường đại học [3].

Trong suốt quá trình phát triển lịch sử ở các quốc gia, học sinh, giảng viên các trường đại học và trung tâm nghiên cứu đã là nòng cốt của mọi hoạt động có qui mô toàn quốc về văn hoá, khoa học và sáng tạo. Những xã hội năng động, phát triển luôn ủng hộ các cá nhân, tổ chức này và đổi lại xã hội được đền đáp bằng nền văn hoá, ý tưởng, phát kiến, tiến bộ khoa học, sự phát triển vốn nhân lực và những phương pháp, hệ thống kỹ thuật mới và hữu ích. Công việc chủ yếu của các trường đại học là giảng dạy và nghiên cứu. Khi các hoạt động sáng tạo vô cùng đa dạng và phong phú được triển khai tại các trường đại học và các trung tâm nghiên cứu nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong đời sống xã hội - đó cũng chính là hoạt động nhằm hỗ trợ và nuôi dưỡng chu trình sáng tạo và phát triển kinh tế xã hội nói chung. Tại các nước đang phát triển, mối quan hệ giữa hoạt động nghiên cứu nói trên với sự phát triển của nền kinh tế quốc gia có tầm quan trọng đặc biệt, vì sự khan hiếm nguồn lực R&D trong khu vực thương mại, cũng như sự thiếu vắng của nguồn đầu tư nước ngoài vào khu vực công nghệ. Ngay tại một số nước phát triển như Nhật, Hoa Kỳ, Anh, Nga, Canada khoảng 50% số lượng đơn sáng chế có nguồn gốc từ các công trình khoa học tại các trường, viện nghiên cứu. Pháp luật các quốc gia này đều có các qui định cho phép coi rằng: sáng chế không bị coi là mất tính mới nếu đơn yêu cầu bảo hộ đối với sáng chế được nộp trong khoảng thời gian từ 6 đến 12 tháng kể từ ngày sáng chế (SC) được người có quyền đăng ký công bố dưới dạng

báo cáo khoa học. Tại Việt Nam, những qui định tương tự lần đầu tiên được thể hiện trong Luật SHTT năm 2005. Việt Nam hiện nay có hàng triệu sinh viên đang theo học tại các trường đại học và cao đẳng. Những người trẻ tuổi này sẽ trở thành các doanh nhân; những nhà hoạch định chính sách; những nhà quản lý, những nhà thực thi chính sách và pháp luật; những kỹ sư; những nhà khoa học. Những con người này luôn cố gắng tìm kiếm những tiềm năng kinh tế khác nhau từ việc bảo hộ các thành quả sáng tạo và đầu tư của chính mình.

Tại các nước đang phát triển các chương trình nghiên cứu được tài trợ chủ yếu bởi ngân sách nhà nước (ngân sách công), đặc biệt là đối với những nghiên cứu cơ bản. Sự tài trợ từ phía các đối tác tư nhân hầu như rất hạn chế và chủ yếu nhằm vào việc triển khai những sáng tạo nhằm ứng dụng với những sản phẩm có vòng đời ngắn do tính chất thương mại ngắn hạn của những sáng tạo này. Việc triển khai các công trình nghiên cứu tại các trường đại học bằng ngân sách công ở Việt Nam hiện nay đang tạo ra một thực tế hết sức đau lòng: một khối lượng lớn tiến bộ khoa học và công nghệ được tìm tòi trong các trường đại học, viện nghiên cứu không được sử dụng, chỉ có một số ít trong đó được xem như những thành tựu mang tính hàn lâm, trong khi đó ngân sách nhà nước bỏ ra không nhỏ để hỗ trợ cho những hoạt động đó. Nguyên nhân chủ yếu có thể do: hoạt động nghiên cứu chưa được gắn kết với những nhu cầu của đời sống thực tiễn hoặc việc ứng dụng thương mại các kết quả của hoạt động nghiên cứu chưa thực sự hiệu quả. Những điều này thực sự gây lãng phí cho quỹ đầu tư nghiên cứu trong điều kiện ngân sách nhà nước còn hạn hẹp và tạo ra một chu trình mang tính luẩn quẩn, làm suy giảm đáng kể lợi nhuận từ các sáng tạo trí tuệ. Chính sách phát triển khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo của Nhà nước cần

khuyến khích sự hợp tác giữa các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu với các ngành công nghiệp, thông qua hình thức li xăng hay các hình thức chuyển giao công nghệ khác và những hoạt động nghiên cứu và đầu tư chung để chia sẻ thông tin và tạo ra hiệu quả tối ưu cho hoạt động nghiên cứu, tìm tòi những nhân tố mới. Bên cạnh đó, hoạt động này còn có hiệu ứng tốt cho việc trao đổi thông tin, tránh sự lãng phí, không cần thiết của việc tìm tòi những giải pháp đã tồn tại. Bên cạnh đó, để gia tăng sự đóng góp của hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học cho sự phát triển công nghiệp và kinh tế, cần có các chính sách định hướng cho việc đưa giới doanh nhân và giới khoa học xích lại gần nhau hơn. Việc chuyển giao công nghệ từ các trường đại học sẽ được tạo điều kiện tốt hơn nếu các trường đại học yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế và li xăng các kết quả nghiên cứu do công quỹ tài trợ cho họ, tạo điều kiện thương mại hoá những sáng tạo thu được từ hoạt động nghiên cứu tại các trường đại học. Các khoản lợi nhuận tiềm năng và lợi nhuận thực tế từ li xăng sẽ khuyến khích các trường đại học và các nhà nghiên cứu hàn lâm thực hiện những nỗ lực để quản lý hoạt động li xăng và điều đó sẽ mang lại nguồn thu nhập bổ sung để mở rộng hoạt động nghiên cứu của mình.

3. Một số đề xuất về nội dung và thời lượng đào tạo về sở hữu trí tuệ trong các trường đại học

Với nhận thức về tầm quan trọng của SHTT, tại nhiều quốc gia trên thế giới những nội dung về SHTT đã được đưa vào chương trình giảng dạy tại các trường đại học ở các cấp độ và theo những hình thức đào tạo khác nhau. SHTT là một lĩnh vực mang tính chất liên ngành, liên quan các khía cạnh vô cùng đa dạng của đời sống kinh tế - xã hội. Do

vậy, phạm vi các kiến thức mà những người học thu được từ việc giáo dục về SHTT là rất to lớn. Các chương trình về SHTT có thể được thiết kế với nhiều nội dung đa dạng và phong phú xuất phát từ đặc thù chuyên môn của từng lĩnh vực mà người nghiên cứu quan tâm.

Dựa vào kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực đào tạo về SHTT cũng như xuất phát từ nhu cầu thực tiễn về đào tạo SHTT trong các trường đại học, theo chúng tôi, các chương trình này có thể được xây dựng theo các tiêu chí như: theo cấp độ đào tạo, theo định hướng chuyên môn của người học,

Theo cấp độ đào tạo, các nội dung liên quan đến SHTT có thể được tổ chức giảng dạy nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về SHTT cho nguồn nhân lực tương lai sẽ hoạt động trong lĩnh vực này: công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước; các nhà quản lý doanh nghiệp; các cán bộ hoạch định chính sách, tổ chức thực thi chính sách; các nhà lập pháp; những người làm công tác xét xử tranh chấp về SHTT; các cán bộ kiểm tra, kiểm soát về SHTT. Các chương trình có liên quan có thể được tổ chức giảng dạy tại những khoá học chuyên về SHTT với những cấp độ khác nhau:

- Chương trình tổng quan:

Mục tiêu của chương trình cần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về khái niệm SHTT; nắm được những thông tin chủ yếu về vai trò, ý nghĩa, tình hình và triển vọng của hoạt động SHTT; trang bị một số kiến thức cơ bản về Luật SHTT của Việt Nam.

Với mục tiêu như vậy, nội dung của khoá sẽ bao gồm: giới thiệu tổng quan về SHTT; giới thiệu tổng quan về SHTT của Việt Nam; nguyên tắc và điều kiện xác lập quyền SHTT, nội dung quyền SHTT và những biện pháp cơ bản để bảo vệ tài sản SHTT, ...

Thời lượng dự kiến: dự kiến từ 2 - 3 đơn vị học trình (ĐVHT).

- Chương trình cơ sở:

Mục tiêu của chương trình: sau khi tốt nghiệp học viên có thể đảm nhận công việc quản lý hoạt động SHTT trong doanh nghiệp hoặc thực thi chức năng chuyên môn về SHTT trong các cơ quan thực thi pháp luật và quản lý hành chính.

Với mục tiêu như vậy, nội dung của khoá học sẽ bao gồm: Giới thiệu tổng quan về SHTT và các nguyên tắc của việc bảo hộ quyền SHTT; Những khía cạnh hành chính, pháp lý và thương mại của quyền SHTT; SHTT và những chiến lược phát triển khoa học - công nghệ; Các loại hình sáng tạo và các sản phẩm công nghệ và qui trình để xác lập sự bảo hộ; các hình thức bảo hộ và chế độ bảo hộ đối với mỗi loại hình sáng tạo và hiệu lực bảo hộ tương ứng; Hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế về bảo hộ SHTT; ...

Thời lượng dự kiến: 10 - 15 ĐVHT (bao gồm cả lên lớp, bài tập, tiểu luận và thực hành).

- Chương trình nâng cao (dành cho những người đã tốt nghiệp đại học)

Mục tiêu của khoá học: sau khi tốt nghiệp, học viên có thể hoạt động hành nghề với tư cách chuyên gia trong các lĩnh vực tương ứng của SHTT (quyền tác giả, quyền Sở hữu Công nghệ (SHCN) hoặc thậm chí chuyên sâu về từng lĩnh vực bản quyền, quyền kế cận, sáng chế, kiểu dáng, nhãn hiệu ...), kể cả hành nghề trong lĩnh vực đại diện SHTT, làm việc trong các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả hoặc luật sư chuyên về SHTT (đối với những người đã tốt nghiệp Đại học Luật).

Với mục tiêu như vậy, nội dung khoá học sẽ bao gồm những vấn đề như: những cơ sở nền tảng mang tính lý thuyết của luật SHTT; những xu hướng phát triển của hệ thống SHTT; các vấn đề liên quan đến lý thuyết và kỹ năng xác lập quyền và thực thi quyền SHTT; các thiết chế quốc tế liên quan đến vấn đề xác lập quyền SHTT và các thủ tục duy trì

hiệu lực bảo hộ của văn bằng cũng như các thủ tục về bảo vệ quyền SHTT trong các tranh chấp quốc tế; ... Khoá học sẽ dành thời lượng đáng kể cho việc thiết kế các lớp thực hành do những người có kinh nghiệm hàng nghề tham gia hướng dẫn, trong đó bao gồm cả việc xây dựng cho người học những kỹ năng thực tế về việc đeo đuổi đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ cũng như thủ tục, kinh nghiệm tranh tụng để bảo vệ các quyền đó, ...

Thời lượng dự kiến: 40 - 45 ĐVHT.

Theo định hướng chuyên môn của người học, các chương trình lại cần được thiết kế dựa vào những đặc thù chuyên môn của từng ngành học trong tương quan với lĩnh vực SHTT. Các cơ sở đào tạo thuộc các nhóm ngành khác nhau có thể đưa vào chương trình giảng dạy một khoá học tổng quan (về nội dung và thời lượng có thể tương đương với chương trình A nêu trên) kết hợp với một số nội dung về SHTT liên quan đến đặc thù của nhóm ngành mình. Xin nêu ra ở đây một số nội dung mang tính chất đặc thù về SHTT cho chương trình đào tạo về SHTT tại một số cơ sở đào tạo thuộc các nhóm ngành khác nhau.

- Đối với các trường kỹ thuật, công nghệ: Bản chất và phạm vi các quyền được bảo hộ trong lĩnh vực sáng tạo kỹ thuật, công nghệ; Tiêu chuẩn bảo hộ SHTT đối với các sáng tạo trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; Thủ tục xác lập quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp; Kỹ năng soạn thảo đơn yêu cầu bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp; quyền tác giả và vấn đề khai thác mã nguồn mở; Sáng chế trong mối tương quan giữa người sáng tạo và nhà đầu tư; Những khía cạnh pháp lý của quá trình "phân tích ngược sản phẩm"; Công nghệ sinh học và hệ thống bảo hộ độc quyền đối với sáng chế; Những khía cạnh pháp lý của vấn đề chuyển giao công nghệ; Inernet và

SHTT; Hệ thống thông tin về sáng chế; Sử dụng cơ sở dữ liệu bằng độc quyền sáng chế phục vụ chuyển giao công nghệ; SHTT với vấn đề chuyển giao công nghệ từ các trường đại học; Phát triển kỹ năng li xăng tại các trường đại học; Sự phát triển các ngành công nghệ mới và việc bảo hộ độc quyền sáng chế; ...

- Đối với khối trường quản lý: bảo hộ SHTT và chiến lược phát triển khoa học công nghệ của quốc gia; nguyên tắc “cân bằng lợi ích” trong khai thác tài sản SHTT; đổi mới hoạt động khoa học công nghệ thông qua chính sách bảo hộ SHTT; quản lý nhà nước đối với hoạt động SHTT và chuyển giao công nghệ; vai trò của bảo hộ SHTT trong việc phát triển chính sách công nghiệp hiện đại; các khía cạnh chính sách của việc thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ; ...

- Đối với khối trường kinh tế: Đầu tư nước ngoài và vấn đề bảo hộ tài sản SHTT; Bảo hộ SHTT và chính sách cạnh tranh; định giá và khai thác thương mại đối với tài sản SHTT trong doanh nghiệp; Xây dựng và bảo vệ tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp; chuyển nhượng quyền thương mại và tài sản SHTT; Những khía cạnh thương mại của quyền SHTT; Chuyển giao công nghệ đối với doanh nghiệp; Quản lý tài sản SHTT trong doanh nghiệp (quản lý patent, quản lý nhãn hiệu; quản lý kiểu dáng công nghiệp, ...); Quản lý rủi ro pháp lý về SHTT; Thương mại điện tử và tác động của nó tới lĩnh vực SHTT; Phát triển kinh doanh trên Internet và bảo hộ SHTT ...

- Đối với khối trường nghệ thuật: Giới thiệu chung về quyền tác giả và quyền kế cận; Các khía cạnh pháp lý liên quan đến quá trình sáng tạo và sử dụng tác phẩm; Quản lý tập thể quyền tác giả và quyền liên quan; Chế độ pháp lý đặc thù của tác phẩm mỹ thuật tạo hình, tác phẩm kiến trúc; SHTT và vấn đề bảo hộ tác phẩm văn học dân gian; SHTT và vấn đề bảo hộ tri thức truyền thống ...

Tóm lại, SHTT là lĩnh vực mới mẻ vừa tiềm ẩn những lợi ích vô cùng lớn lao đồng thời cũng tạo ra những thách thức hết sức khó khăn cho một quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Việc đào tạo SHTT trong các trường đại học đã trở thành một xu hướng tất yếu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và hội nhập trong lĩnh vực đào tạo nói riêng của Việt Nam. Nhu cầu về SHTT trong các trường đại học và cao đẳng ở Việt Nam hiện nay phản ánh đúng thực trạng của một nền kinh tế trong giai đoạn chuyển đổi và hướng tới những tầm cao hội nhập quốc tế. Thông qua hoạt động của các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực đào tạo và NCKH, hoạt động của các trường đại học, các viện NC không chỉ có ý nghĩa trong việc truyền bá, nghiên cứu, khai thác thông tin về SHTT mà còn phát huy vai trò của mình trong lĩnh vực tư vấn, truyền bá và đào tạo, góp phần nâng cao nhận thức chung của xã hội về SHTT và hình thành đội ngũ chuyên gia về các lĩnh vực khác nhau trong hoạt động bảo hộ quyền SHTT. Bên cạnh đó, hoạt động của các trường đại học và các viện NC còn là yếu tố quan trọng thúc đẩy công tác chuyển giao công nghệ, tạo dựng môi liên kết trong đào tạo - nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ và sản xuất kinh doanh. Việc triển khai các nội dung đào tạo về SHTT tại các trường đại học cần được triển khai theo định hướng chuyên sâu phù hợp với đặc thù của từng nhóm ngành đào tạo. Các trường đại học cùng với các tổ chức khác sẽ tiếp tục đóng góp cho việc đào tạo những nguồn nhân lực quản lý đất nước trong tương lai với những lý tưởng lớn lao *hướng tới một mục đích chung duy nhất là nâng cao hiệu quả của việc khai thác những tiềm năng SHTT trong việc tạo dựng ra một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả chúng ta.*

Tài liệu tham khảo

- [1] Kamil Idris, *SHTT - Một công cụ phát triển kinh tế hữu hiệu*, NXB WIPO, 2005.
- [2] Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, *Cẩm nang sở hữu trí tuệ*, NXB WIPO, 2005.
- [3] Shahit Alikhan, *Lợi ích kinh tế - xã hội của việc bảo hộ sở hữu trí tuệ ở các nước đang phát triển*, NXB WIPO, 2007.

The need for intellectual property education at universities in Vietnam

Nguyen Thi Que Anh

*Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

The article mentions the objective of building an intellectual property (IP) culture in Vietnam in the process of international economic integration, focusing on the important role of universities in creating necessary factors to make contribution to building a favourable environment for the formation and development of an IP culture. Based on studying the need for IP education from different aspects, the author brings forward some recommendations regarding the content and time of IP teaching at universities in Vietnam. Considering IP as an interdisciplinary and diversified field, those recommendations are made based on different criteria such as training level and professional orientation of learners.